

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HS-ST

Ngày: 29-11-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và ông Phạm Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HS ngày 15/11/2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 02/6/1978; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHKT: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình X và bà Phan Thị H (đã chết); có vợ Lê Thị Q và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 17/12/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng bình xử phạt 9 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, tại bản án hình sự phúc thẩm số 61/HSPT. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2019 cho đến ngày 29/9/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Cao Văn T, sinh ngày 20/6/1984; tại: huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Khối 13, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Quản lý Nhà máy gỗ dăm Bảo Thành Đạt; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Thanh T và bà Phan Thị T; có vợ Phan Thị Thúy N và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2019 cho đến ngày 29/9/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn Q, sinh ngày 08/8/1990; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 19/5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Trịnh Thị L; có vợ Lê N và 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2019 cho đến ngày 29/9/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Trương Văn D, sinh ngày 10/6/1985; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: nuôi trồng thủy sản; trình độ văn hóa: lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn C và bà Võ Thị T; có vợ Võ Thị M và 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2019 cho đến ngày 29/9/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Đức H, sinh ngày 26/11/1988; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 19/5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Trịnh Thị L; có vợ Nguyễn Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2019 cho đến ngày 29/9/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn B, sinh ngày 06/11/1996; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: đánh cá; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định được cha và bà Nguyễn Thị N; có vợ Lục Thị M và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2019 cho đến ngày 29/9/2019 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B: Bà Nguyễn Thị Diệu L - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Những người làm chứng: Anh Trần Xuân P, anh Nguyễn Thanh L, chị Lê Thị Q. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 26/9/2019, Cao Văn T, Tường Văn D, Lê Văn Q và Lê Đức H đến quán cà phê 68 của Nguyễn Văn H để uống cà phê. Khi thấy có nhiều anh em, H rủ mọi người “đánh bài một chập hè” thì tất cả đồng ý. H liền trải chiếc chiếu nhựa trong phòng bếp của quán, lấy 06 (sáu) bộ bài tứ lơ khơ có sẵn trong nhà ra sử dụng rồi toàn bộ mọi người vào tham gia đánh bạc. Trước khi tham gia đánh bạc, D có nói với H “H cho tau mượn tiền để đánh bài”, H đồng ý và đưa cho D mượn số tiền 4.500.000 đồng. Khi vào đánh bạc nhóm đối tượng ngồi theo chiều kim đồng hồ: Q, D, T, H, sau đó có Nguyễn Văn B đến ngồi sau H, còn H ngồi sau D. Khi tham gia đánh bạc H cầm và sử dụng số tiền 13.000.000 đồng để trên chiếu, trước vị trí ngồi của mình để đánh bạc; T sử dụng số tiền 2.000.000 đồng lấy từ túi quần sau ra để trên chiếu, trước vị trí ngồi của mình để tham gia đánh bạc; D sử dụng số tiền 4.500.000 đồng để trên chiếu, trước vị trí ngồi của mình để tham gia đánh bạc; Q sử dụng số tiền 10.800.000 đồng để trên chiếu, trước vị trí ngồi của mình để tham gia đánh bạc. Còn H khi ngồi ngoài xem đánh bạc đã có bắt và đánh hộ D khoảng 05 ván bài, B cũng ngồi ngoài bắt 02 ván và đánh 01 ván bài hộ H. Các đối tượng tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài tiến lên miền Nam (xô lô) nhất ăn cả. Cụ thể, mỗi người được chia 13 quân bài trong bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài, thứ tự mỗi quân bài được tính từ thấp đến cao như sau: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A, 2, chất bài từ cao đến thấp như sau: cơ, rô, chuồn, bích. Khi bắt đầu chơi ai có cây 3 chuồn thì người đó được đánh và phải đánh cây 3 chuồn đó trước. Người về nhất là người đánh hết 13 quân bài trên tay trước, ba người còn lại thua phải trả mỗi người 200.000 đồng cho người về nhất. Sau đó xét cây 2 đối với những người thua, thứ tự tiền phải trả cho cây 2 là: 200.000 đồng đối với cây 2 bích; 400.000 đồng đối với cây 2 chuồn; 600.000 đồng đối với cây 2 rô; 800.000 đồng đối với cây 2 cơ. Nếu bị tứ quý (bốn quân bài giống nhau) và bốn đôi thông (là hai quân bài giống nhau nhưng có bốn đôi liên tiếp, ví dụ: đôi 3, đôi 4, đôi 5, đôi 6), chặt hai thì được tính như khi xét cây 2, nếu bị chặt chồng (một cây 2 bị hai người chặt liên tiếp) thì người chặt cây hai đầu tiên phải trả tiền gấp đôi cho cây 2 đó. Nếu ai có Sâm (tức là ba cây bài giống nhau) thì những người còn lại không có và nếu có nhưng Sâm nhỏ hơn thì phải trả cho người còn lại số tiền 200.000 đồng. Nếu bị “cháy” (tức là không đánh cây bài nào nhưng đã có người về nhất) thì phải trả cho người về nhất số tiền là

800.000 đồng. Ăn trắng, tức là người về nhất có bốn cây 3, bốn cây 2, sảnh từ 3 đến A, sáu đôi, ba sam thì những người còn lại phải trả cho người về nhất số tiền 600.000 đồng. Nếu người về nhất đánh cây 3 bích cuối cùng (tức là ăn 3 bích) thì những người còn lại phải trả cho người ăn 3 bích số tiền 1.000.000 đồng, nếu người đánh cây 3 bích bị chặt trước khi đánh cây 3 bích cuối cùng thì người còn cây 3 bích cuối cùng phải đền làng, tức là phải trả cho người chặt số tiền 3.000.000 đồng. Sau mỗi ván bài người về nhất sẽ chia bài và được đánh trước. Các bị cáo đánh bài đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Quảng Trạch vào bắt quả tang về hành vi đánh bạc.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 54.557.000 đồng; 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, màu xanh, chưa sử dụng; 256 quân bài đã qua sử dụng; 01 chiếc nhựa có nhiều hoa văn, kích thước khoảng 1,95 mét x 1,8 mét, đã qua sử dụng cũ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại iphone XSMax, màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, màn hình bị nứt nhiều đường ở góc trái, phải phía trên màn hình, có ốp lưng bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 ví da màu đen bị sờn rách ở nhiều vị trí, trong ví có dòng chữ COLLECTION, ví cũ, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu xanh, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu vivo 1808, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu đen- trắng, BKS 73E1 - 048.11, xe cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 xe mô tô nhãn hiệu LANDA, màu nâu, BKS 73N8-9608, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, số loại 1280, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 ví da màu đen, kích thước khoảng 10 x 25 cm, trên ví có dòng chữ Calvin Klein, ví cũ, đã qua sử dụng.

Xác định những tài sản không liên quan, không sử dụng vào việc đánh bạc nên cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch đã ra quyết định xử lý trả lại cho chủ sở hữu: Trả cho chủ sở hữu là Cao Văn T số tiền 5.100.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng; Trả cho chủ sở hữu là Lê Văn Q số tiền 9.100.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu hồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu đen- trắng, BKS 73E1 - 048.11 và 01 ví da màu đen bị sờn rách ở nhiều vị trí, trong ví có dòng chữ COLLECTION, ví cũ, đã qua sử dụng; Trả cho chủ sở hữu là Nguyễn Văn B số tiền 10.057.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen và 01

ví da màu đen, kích thước khoảng 10 x 25 cm, trên ví có dòng chữ Calvin Klein, ví cũ, đã qua sử dụng; Trả lại cho chủ sở hữu là anh Võ Văn Sanh 01 xe mô tô nhãn hiệu LANDA, màu nâu, BKS 73N8-9608; Trả cho chủ sở hữu là Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, màu đen; Trả cho chủ sở hữu là Tường Văn D 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1808, màu đen; Trả cho chủ sở hữu là Lê Đức H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, màu xanh.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKSQT ngày 08 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn T, Tường Văn D, Lê Văn Q, Lê Đức H và Nguyễn Văn B về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H; Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Văn T, Tường Văn D, Lê Văn Q, Lê Đức H; Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B; Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000 đồng; Xử phạt các bị cáo Cao Văn T, Tường Văn D, Lê Văn Q mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; Xử phạt bị cáo Lê Đức H từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B trong thời gian chấp hành án. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền đã thu giữ 30.300.000 đồng; tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, màu xanh, chưa sử dụng; 256 quân bài đã qua sử dụng và 01 chiếu nhựa có nhiều hoa văn, kích thước khoảng 1,95 mét x 1,8 m. Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi đánh bạc mà mình đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố, kết tội. Các bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xem xét tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên, việc Tòa án đưa ra xét xử đối với bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 06 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn B trong thời gian chấp hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và đến tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn T, Trương Văn D, Lê Văn Q, Lê Đức H và Nguyễn Văn B đã thừa nhận và đều thống nhất khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc mà các bị cáo đã thực hiện vào chiều ngày 26/9/2019 tại quán cà phê 68 của bị cáo Nguyễn Văn H. Các bị cáo đã có hành vi tụ tập đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Tiến lên miền Nam” (Xô lô). Tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 30.300.000 đồng. Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, truy tố là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn T, Trương Văn D, Lê Văn Q, Lê Đức H và Nguyễn Văn B đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hại cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm trật tự an toàn và nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo là những người có đủ nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép luôn bị xã hội lên án, gây ra nhiều tác hại, hậu quả và hệ lụy nghiêm trọng khác cho xã hội cũng như cho gia đình và chính bản thân các bị cáo nhưng vì coi thường pháp luật, muốn nhanh chóng thu lợi bất chính nên dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức

độ, hậu quả mà các bị cáo gây ra. Nhằm đề rắn đe, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét tính đồng phạm, vị trí, vai trò của mỗi bị cáo thấy rằng: Vụ án có 6 bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên tính chất đồng phạm chỉ ở mức độ giản đơn, mang tính bột phát, không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ hay phân công vai trò, vị trí cụ thể trước khi phạm tội. Trong 6 bị cáo thì Nguyễn Văn H là người giữ vai trò là người khởi xướng, rủ hện đồng phạm, chuẩn bị các công cụ, phương tiện để đánh bạc và chủ động, trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc với vai trò tích cực. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Các bị cáo Cao Văn T, Tường Văn D, Lê Văn Q là những đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội cũng thể hiện sự tích cực, chủ động cao. Chỉ cần có người khởi xướng là đồng ý thực hiện ngay hành vi phạm tội. Bị cáo Lê Đức H là người cho D mượn tiền đánh bạc và cùng Nguyễn Văn B là những đồng phạm với vai trò giúp sức, góp phần quan trọng cho hoàn thành tội phạm. Vì vậy, các bị cáo này cũng cần phải bị xét xử với hình phạt tương xứng, phù hợp.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng thì các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân thấy rằng: các bị cáo, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo Cao Văn T, Tường Văn D, Lê Văn Q, Lê Đức H và Nguyễn Văn B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Việc phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính bột phát, nhất thời; ngoài ra, các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, là người lao động chính trong gia đình có vợ và con nhỏ cần được chăm sóc, nuôi dưỡng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho các bị cáo theo mức độ, điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt.

Xét thấy, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương nên chưa cần thiết buộc phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam, cách ly ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền đối với các bị cáo Cao Văn T, Tường Văn D, Lê Văn Q và Lê Đức H; căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B, xét xử cho các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao về chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình theo dõi, giám sát cũng đủ tính rắn đe, giáo dục. Bị cáo Nguyễn Văn B có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ cận nghèo của UBND xã Q, bị cáo Nguyễn Văn H không có công việc và thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo này trong thời gian chấp hành án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định, “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Vì vậy, ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn H như vậy là phù hợp, nhằm tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với điện thoại di động và xe mô tô thu giữ đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý trả lại cho chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 30.300.000 đồng; 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, màu xanh, chưa sử dụng; 256 quân bài đã qua sử dụng; 01 chiếc nhựa có nhiều hoa văn, kích thước khoảng 1,95 mét x 1,8 m. Xác định, đây là số tiền mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, là các công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn T, Trương Văn D, Lê Văn Q, Lê Đức H và Nguyễn Văn B phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Văn T, Trương Văn D, Lê Văn Q và Lê Đức H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn T, Trương Văn D, Lê Văn Q, Lê Đức H và Nguyễn Văn B phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 03 ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2019 đến ngày 29/9/2019, được quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 08 (tám) tháng 21 (hai mươi một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt bổ sung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Cao Văn T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Trương Văn D số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Lê Đức H số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 03 ngày bị bắt tạm giữ từ ngày 26/9/2019 đến ngày 29/9/2019, được quy đổi thành 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại là 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 30.300.000 đồng (số tiền trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch tạm giữ, quản lý);

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; 256 quân bài đã qua sử dụng; 01 chiếu nhựa có nhiều hoa văn.

Vật chứng trên có các đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày 18/11/2019.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H, Cao Văn T, Trương Văn D, Lê Văn Q, Lê Đức H và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- STP tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- CC THADS huyện Quảng Trạch;
- Các bị cáo; NBC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực